TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29/3/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Thùy

2. Bà Vũ Kim Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Bà Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGD ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chu Thị T; sinh năm: 1988;

HKTT: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá M, SamSung Electronic Việt Nam – Thái Nguyên, phường Đ, thị xã P, Thái Nguyên; có mặt.

2. Bị đơn: Nông Viễn D; sinh năm: 1982;

HKTT: tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hiện đang chấp hành án tại Đội S, điểm sản xuất gạch N, thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Chu Thị T trình bày: Chị T và anh D kết hôn tháng 03 năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T phát hiện anh D nghiện ma túy. Quá trình

mâu thuẫn vợ chồng có cãi chửi nhau, sau đó vợ chồng đã tự hòa giải, chị T đã khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh D và chị T sống ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay, từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị T xác nhận quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2019 anh Nông Viễn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T kết hôn ngày 29/3/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưỡi ở cả hai bên gia đình. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 24/5/2013 tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới cả hai đều sống tại tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D nghiện ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Khi mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, anh có đánh chị T nhưng không gây thương tích cho chị T. Anh và chị T sống ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay, từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng anh và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh D vắng mặt, đã có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Chị Chu Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nông Viễn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị T. Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh D không có con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, anh Nông Viễn D đã có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Thị T và anh Nông Viễn D đăng ký kết hôn ngày 24/5/2013 tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T phát hiện anh D nghiện ma túy. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng có cãi chửi và xảy ra xô sát, sau đó vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Chị T đã khuyên nhủ anh D nhiều lần cai nghiện nhưng không có kết quả. Anh D và chị T sống ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay, kể từ khi ly thân hai người không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên đều nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn, nay anh chị hoàn toàn tự nguyện ly hôn nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: chị T và anh D xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị T và anh D đều xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: chị T và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị T. Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Nông Viễn D.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị Chu Thị T và anh Nông Viễn D không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000323 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Chị Chu Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nông Viễn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Đề Thám;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hoài Phương